

Kiên Giang, ngày... tháng ... năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
về công tác kiểm tra giám sát hoạt động năm 2023
Công ty CP Cơ khí Kiên Giang

Kính gửi : ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP CƠ KHÍ KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cơ khí Kiên Giang.
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Cơ khí Kiên Giang.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động năm 2023 của Công ty CP Cơ Khí Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), như sau:

I- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm có 03 thành viên, cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------|
| 1. Ông Trần Quốc Khánh | Trưởng ban |
| 2. Ông Vũ Văn Huy | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Quốc Hùng | Thành viên. |

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Nội dung kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2023 bao gồm các mặt hoạt động như sau:

- Giám sát thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban giám đốc (BGĐ).
- Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết HĐQT.
- Tham gia ý kiến với HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự tham dự họp với HĐQT.
- Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo tài chính năm 2023.
- Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và báo cáo của Giám đốc trình đại hội cổ đông.

II- KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT:

1. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Ban kiểm soát kiểm tra.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2023 | Năm 2022 | Tỷ lệ |
|---|-----------|------------------------|------------------------|---------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 604,324,647,931 | 784,441,237,599 | 77.0% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 54,804,710 | 901,358,914 | 6.1% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 604,269,843,221 | 783,539,878,685 | 77.1% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 542,158,451,763 | 701,828,513,534 | 77.2% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 62,111,391,458 | 81,711,365,151 | 76.0% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 2,097,126,188 | 452,691,327 | 463.3% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5,352,453,482 | 2,736,431,761 | 195.6% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 5,368,830,324 | 3,310,539,712 | 162.2% |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 15,629,035,572 | 15,876,315,093 | 98.4% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 19,276,879,427 | 16,421,990,513 | 117.4% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 23,950,149,165 | 47,129,319,111 | 50.8% |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 3,892,984,685 | 1,446,024,927 | 269.2% |
| 12. Chi phí khác | 32 | 293,372,165 | 638,413,368 | 46.0% |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 3,599,612,520 | 807,611,559 | 445.7% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 27,549,761,685 | 47,936,930,670 | 57.5% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5,605,712,337 | 9,882,127,816 | 56.7% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 29,401,920 | 12,669,120 | 232.1% |
| 17. LNST thu nhập doanh nghiệp | 60 | 21,914,647,428 | 38,042,133,734 | 57.6% |

3. Phân phối lợi nhuận sau thuế:

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|---------------------------------------|----------------|
| 1. | Lợi nhuận sau thuế năm 2023 | 21.914.647.428 |
| 2. | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | |
| 2.1 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | |
| 2.2 | Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành | |

| | | |
|----|--|----------------|
| 3. | Tạm trích quỹ đầu tư phát triển | |
| 4. | Lợi nhuận 2023 còn lại sau tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển | 21.914.647.428 |
| 5. | Lợi nhuận giữ lại của các năm trước | 31.021.121.878 |
| 6. | Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức đến 31/12/2023 | 52.935.769.306 |
| | Tỷ lệ cổ tức chưa chia đến 31/12/2023 | 66,2% |

4. Tình hình tài chính

4.1. Báo cáo tóm tắt tài chính tại ngày 31/12/2023:

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 01/01/2023 | Tỷ lệ |
|------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|---------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 305.967.337.235 | 272.213.469.695 | 112.4% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 60.374.455.660 | 21.535.033.744 | 280.4% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 20.680.000.000 | 4.460.000.000 | 463.7% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 149.900.038.434 | 129.450.107.407 | 115.8% |
| Hàng tồn kho | 140 | 74.663.139.784 | 116.566.902.373 | 64.1% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 349.703.357 | 201.426.171 | 173.6% |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 32.916.592.595 | 34.847.678.068 | 94.5% |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| Tài sản cố định | 220 | 22.113.599.429 | 24.223.241.782 | 91.3% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 170.708.636 | 241.485.980 | 70.7% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 10.000.000.000 | 9.983.623.158 | 100.2% |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | 632.284.530 | 399.327.148 | 158.3% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 338.883.929.830 | 307.061.147.763 | 110.4% |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 196.059.825.497 | 170.151.690.858 | 115.2% |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 195.260.872.697 | 169.205.728.458 | 115.4% |
| Nợ dài hạn | 330 | 798.952.800 | 945.962.400 | 84.5% |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 142.824.104.333 | 136.909.456.905 | 104.3% |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 | 100.0% |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 9.888.335.027 | 9.888.335.027 | 100.0% |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 52.935.769.306 | 47.021.121.878 | 112.6% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 338.883.929.830 | 307.061.147.763 | 110.4% |

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu: Trong năm 2023, Công ty thường xuyên có chênh lệch kiểm kê nguyên vật liệu. Điển hình, theo báo cáo kiểm kê của Công ty tại thời điểm 30.11.2023, giá trị chênh lệch kiểm kê tại 2 kho Nguyên liệu bê tông thừa thiếu lần lượt là 495 triệu đồng và 188,7 triệu đồng. Nguyên nhân do thừa thiếu nguyên vật liệu bê tông cốt liệu đá 1x2 nhập về hạt lúc to không đều, nên giảm đá 1x2 tăng cát vàng, cát nghiền và đá mi; thép cán không chuẩn, thực tế xuất có hao hụt thấp hơn xuất cấp phối dẫn đến có sự chênh lệch.

4.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2023 |
|--|-----|----------|
| Khả năng thanh toán | | |
| Khả năng thanh toán nợ hiện hành (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn) | lần | 1.57 |
| Khả năng thanh toán nhanh (Tiền+phải thu+đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | lần | 1.18 |
| Tỷ số nợ | | |
| Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu | lần | 1.37 |
| Tỷ số nợ/vốn điều lệ | lần | 2.45 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 6.47 |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3.63 |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 15.34 |

Khả năng thanh toán hiện hành là $1,57 > 1$, khả năng thanh toán nhanh là $1,18 > 1$ cho thấy Công ty có khả năng đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn.

Tỷ số Nợ/vốn chủ sở hữu là 1,37 lần cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các nguồn nợ phải trả.

Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản: 6,47%; lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: 3,63%; lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 15,34% cho thấy Công ty kinh doanh có hiệu quả trong năm 2022.

5. Tình hình thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông 2023:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ % |
|----|----------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 1 | Doanh thu | Triệu đồng | 910.000 | 604.325 | 66% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 68.003 | 27.550 | 41% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 54.403 | 21.915 | 40% |

| | | | | | |
|---|--------------------------------|------------|--------|--------|--------|
| 4 | Chia cổ tức | | 20% | 60% | 300% |
| 5 | Tổng quỹ tiền lương | Triệu đồng | 51.637 | 42.083 | 81% |
| 6 | Tiền lương bình quân NLD/tháng | Triệu đồng | 10.98 | 10.48 | 92% |
| 7 | Thù lao HĐQT, Thư ký và BKS | Triệu đồng | 478,8 | 141,6 | 29.57% |

Hiện tại, Công ty chưa chi trả đầy đủ thù lao cho HĐQT và BKS như Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023.

6. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị cơ bản đã hoàn thành chức trách của mình, triển khai thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, HĐQT đã họp 9 lần trong năm và đã ban hành 9 Nghị quyết để Ban điều hành thực hiện.

Về trình tự thủ tục đã thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận có sự bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên.

Kết quả là các nội dung trong Nghị quyết đều được thực hiện.

7. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

Hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT.

Ban Giám đốc đã cố gắng điều hành Công ty theo kế hoạch SXKD được Đại hội cổ đông thông qua. Tuy nhiên, doanh thu cùng lợi nhuận đều chưa đạt kế hoạch.

8. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý:

Nhìn chung trong năm 2023, BKS đã được HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, BKS chưa được cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về các biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2023.

III- KIẾN NGHỊ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BKS:

1. Kiến nghị của BKS

Ban kiểm soát kiến nghị đến Công ty các nội dung sau:

- Có định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới trên cơ sở tình hình thực tế và hiện trạng của Công ty đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề xuất năm 2024.

- Tăng cường công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm mở rộng các loại hình kinh doanh khác.

- Rà soát, ban hành, bổ sung một số quy chế quản lý cho phù hợp với yêu cầu quản trị hiện hành.

- Thực hiện thanh toán thù lao HĐQT, Thư ký và BKS về cho từng thành viên theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đúng quy định của luật

hiện hành, chuẩn mực kế toán. Hoặc ĐHCĐ có thể chỉnh sửa Nghị quyết về thù lao của HĐQT, BKS theo giá trị chi trả thực tế.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với điều lệ, nghị quyết đại hội cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám sát, đánh giá hoạt động kinh doanh và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

- Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ năm 2024.

- Xem xét BCTC năm 2024.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua.

Trân trọng !

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Quốc Khánh